

**QUY ĐỊNH KỸ THUẬT VỀ DỮ LIỆU TRONG THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT ĐỐI VỚI VIỆC THU HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ GIÁO DỤC**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BGDĐT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**I. QUY ĐỊNH CHUNG**

**1. Đối tượng, phạm vi áp dụng**

**a) Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với:

- Các cơ sở giáo dục (CSGD) bao gồm: CSGD mầm non, CSGD phổ thông, CSGD thường xuyên, CSGD đại học, trường cao đẳng sư phạm và trường cao đẳng có đào tạo ngành Giáo dục Mầm non (sau đây gọi chung là trường cao đẳng sư phạm);
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**b) Phạm vi áp dụng**

Văn bản này quy định kỹ thuật trong việc triển khai dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt đối với việc thu học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục, bao gồm:

- Quy định cấu trúc thông tin tối thiểu của giao dịch thanh toán cần lưu trữ khi triển khai thanh toán không dùng tiền mặt đối với việc thu học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục;
- Quy định về định dạng cấu trúc và thành phần dữ liệu QR Code trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;
- Yêu cầu về kết nối giữa hệ thống thanh toán của CSGD với hệ thống của tổ chức cung ứng dịch vụ.

**2. Tài liệu viện dẫn**

Quyết định số 1928/QĐ-NHNN ngày 05/10/2018 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về việc công bố tiêu chuẩn cơ sở TCCS 03:2018/NHNNVN Đặc tả kỹ thuật QR Code hiển thị từ phía Đơn vị chấp nhận thanh toán tại Việt Nam.

**3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

- a) Đơn vị chấp nhận thanh toán (ĐVCNTT) là cơ sở giáo dục chấp nhận thanh toán thông qua một hoặc một số dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt theo hợp đồng, thỏa thuận đã ký kết với tổ chức cung ứng dịch vụ.

b) Tổ chức cung ứng dịch vụ (TCCUDV) bao gồm tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, doanh nghiệp tham gia thí điểm cung ứng dịch vụ Mobile Money.

c) Dịch vụ thanh toán giao dịch bằng phương tiện điện tử là việc lập, gửi, xử lý lệnh thanh toán thông qua phương tiện điện tử.

d) Hệ thống thanh toán của CSGD: Là hệ thống thông tin của CSGD tiếp nhận yêu cầu thanh toán của người sử dụng dịch vụ (học sinh, sinh viên, phụ huynh).

đ) Quick Response Code (QR Code) là mã phản hồi nhanh do ĐVCNTT hiển thị để thực hiện giao dịch thanh toán dựa trên thỏa thuận, hợp đồng ký kết với tổ chức cung ứng dịch vụ và tuân thủ tiêu chuẩn về đặc tả định dạng, cấu trúc và thành phần dữ liệu được quy định trong Quy định này.

e) Định dạng của trường dữ liệu sử dụng trong tài liệu được quy ước như sau:

- Kiểu chữ số (sau đây viết tắt là N) là định dạng bao gồm 10 ký tự số từ “0” đến “9”.

- Kiểu ký tự chữ số đặc biệt (sau đây viết tắt là ANS) là định dạng được quy định bởi Tiêu chuẩn EMV Book 4 bao gồm 96 ký tự, trong đó có các ký tự chữ, ký tự số và dấu chấm (.).

- Kiểu chuỗi (sau đây viết tắt là S) là các chuỗi ký tự dạng dựng sẵn được quy định bởi tiêu chuẩn Unicode.

- Kiểu thời gian (sau đây viết tắt là DT).

#### 4. Danh mục thuật ngữ/từ viết tắt

<b>Thuật ngữ/ Từ viết tắt</b>	<b>Viết đầy đủ</b>
CSGD	Cơ sở giáo dục
TCCUDV	Tổ chức cung ứng dịch vụ
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
HTTT	Hệ thống thông tin
TTKDTM	Thanh toán không dùng tiền mặt
CCCD	Căn cước công dân
CMND	Chứng minh nhân dân
ĐDCN	Định danh cá nhân
ĐVCNTT	Đơn vị chấp nhận thanh toán
VND	Việt Nam đồng

## II. CHUẨN THÔNG TIN GIAO DỊCH THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT

Khi triển khai TTKDTM đối với việc thu học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục, CSGD cần bảo đảm lưu trữ các thông tin tối thiểu của giao dịch thanh toán như sau:

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Trách nhiệm cung cấp	Mô tả
1	MaThamChieu	S	Tối đa 50 ký tự	CSGD	Giá trị theo quy định của CSGD hoặc TCCUDV để xác định giao dịch (duy nhất với mỗi giao dịch thanh toán).
2	MaDVCNTT	S	Tối đa 25 ký tự	CSGD	Mã định danh của ĐVCNTT (CSGD), lấy theo mã định danh được cơ quan có thẩm quyền cấp (thực hiện theo Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ).
3	TaiKhoanThuHuong	S	Tối đa 25 ký tự	CSGD	Số tài khoản thanh toán/ví điện tử/tài khoản Mobile Money của CSGD được mở tại TCCUDV.
4	MaNganHangThuHuong	S	Tối đa 25 ký tự	CSGD	Mã định danh của ngân hàng thụ hưởng, lấy theo mã định danh được cơ quan có thẩm quyền cấp (thực hiện theo Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ).
5	TenTaiKhoanThuHuong	S	Tối đa 255 ký tự	CSGD	Tên tài khoản thanh toán/ví điện tử/tài khoản Mobile Money của CSGD được mở tại TCCUDV.
6	ThoiGianGiaoDich	DT		CSGD	Thời gian thực hiện giao dịch được ghi nhận trên hệ thống thanh toán của

					CSGD, định dạng hiển thị yyyyMMddHHmmss.
7	PhuongThucThanhToan	S	Tối đa 100 ký tự	TCCUDV	Phương thức TTKDTM: (i) Kênh thanh toán: Qua Website/App Mobile/QR Code/POS/ATM. (ii) Phương tiện thanh toán: Tài khoản thanh toán/thẻ ngân hàng/Ví điện tử/tài khoản Mobile Money.
8	MaKhachHang	S	Tối đa 25 ký tự	CSGD	Có thể là số hiệu hoặc số ĐDCN/CMND/CCCD của người học.
9	HoTenKhachHang	S	Tối đa 50 ký tự	CSGD	Họ tên đầy đủ của người học.
10	DonViHocTap	S	Tối đa 255 ký tự	CSGD	Đơn vị học tập của người học: (i) Đối với bậc đại học, sau đại học: Khoa/Viện - Khóa - Tên lớp (nếu có). (ii) Đối với bậc học khác: Tên lớp.
11	NamHoc	S	09 ký tự	CSGD	Năm học
12	HocKy	S	01 ký tự	CSGD	Học kỳ
13	MaBienLai	S	Tối đa 25 ký tự	CSGD	Số hóa đơn/biên lai do CSGD sinh ra (nếu có).
14	NoiDungThanhToan	S	Tối đa 255 ký tự	CSGD	Lý do/Nội dung thanh toán.
15	DanhSachKhoanNop			CSGD	Danh sách các khoản nợ (mô tả tại mục Thông tin chi tiết DanhSachKhoanNop dưới đây).
16	MaDonViThanhToan	S	Tối đa 25 ký tự	TCCUDV	Định danh TCCUDV.

17	MaGiaoDich	S	Tối đa 50 ký tự	TCCUDV	Mã định danh cho giao dịch và là duy nhất trên hệ thống thanh toán của TCCUDV sinh ra.
18	NganHangThanhToan	S	Tối đa 255 ký tự	TCCUDV	Tên của ngân hàng mở tài khoản/thẻ ngân hàng của khách hàng hoặc ngân hàng của TCCUDV trung gian thanh toán/doanh nghiệp tham gia thí điểm cung ứng dịch vụ Mobile Money mà khách hàng đã sử dụng để thanh toán giao dịch.
19	MaTienTe	S	Tối đa 10 ký tự	CSGD	Đơn vị tiền tệ, mặc định là VND.
20	SoTienGiaoDich	N	Tối đa 20 chữ số	CSGD	Số tiền giao dịch mà khách hàng cần thanh toán.
21	SoTienThucTru	N	Tối đa 20 chữ số	TCCUDV	Số tiền ghi nợ khách hàng thực tế (áp dụng khi sử dụng chương trình khuyến mại).
22	PhiGiaoDich	N	Tối đa 20 chữ số	TCCUDV	Phí giao dịch (nếu có).
23	BienLaiThanhToan	File		TCCUDV hoặc CSGD	File hóa đơn/biên lai điện tử trong trường hợp thanh toán trực tuyến (có ký số): - Trường hợp nộp ngân sách nhà nước qua dịch vụ thanh toán điện tử của ngân hàng hoặc TCCUDV trung gian thanh toán, biên lai thu do ngân hàng/TCCUDV trung gian thanh toán phát hành (theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 4 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước).

					- Trường hợp các khoản thu do TCCƯDV thu hộ thì hóa đơn/biên lai điện tử được CSGD phát hành (thông qua sử dụng dịch vụ hóa đơn điện tử của bên thứ ba).
Và các thông tin khác tùy theo nhu cầu cụ thể của CSGD và TCCƯDV					

Thông tin chi tiết **DanhSachKhoanNop**: Mỗi khoản nợ bao gồm các thông tin sau:

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Mô tả
1	MaKhoanNop	S	Tối đa 50 ký tự	Mã khoản nợ (nếu có, ví dụ để xử lý gạch nợ/ghi nhận giao dịch trên HTTT quản lý của CSGD).
2	NoiDungKhoanNop	S	Tối đa 2000 ký tự	Nội dung khoản nợ.
3	SoTien	N	Tối đa 20 chữ số	Số tiền phải nợ.
Và các thông tin khác tùy theo nhu cầu cụ thể của CSGD và TCCƯDV.				

Đối các thông tin thuộc trách nhiệm cung cấp bởi CSGD nêu trên, CSGD cần đảm bảo sẵn sàng kết nối, chia sẻ thông tin với các TCCƯDV thanh toán, TCCƯDV trung gian thanh toán để phục vụ TTKDTM.

### III. CẤU TRÚC THÔNG TIN QR CODE THANH TOÁN ÁP DỤNG TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO

#### 1. Nguyên tắc

a) Định dạng cấu trúc thông tin QR Code dùng thanh toán trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo được tuân thủ và xây dựng dựa trên Quyết định về việc công bố Tiêu Chuẩn cơ sở TCCS 3:2018/NHNNVN Đặc tả kỹ thuật QR Code hiển thị từ phía ĐVCNTT tại Việt Nam được Ngân hàng Nhà nước ban hành theo Quyết định số 1928/QĐ-NHNN ngày 05/10/2018.

b) Dữ liệu trong QR Code được cấu tạo như sau: Mỗi đối tượng dữ liệu được tạo thành bởi ba trường riêng biệt, bao gồm: (1) trường định danh đối tượng dữ liệu (ID) tham chiếu đối tượng dữ liệu; (2) trường độ dài chỉ rõ số lượng ký tự trong trường giá trị; (3) trường giá trị. Các trường được mã hóa như sau:

- Trường ID được mã hóa thành một giá trị gồm 02 chữ số, từ “00” đến “99”.
- Trường độ dài được mã hóa thành một giá trị gồm 02 chữ số, từ “01” đến “99”.
- Trường giá trị có độ dài tối thiểu là 01 ký tự, tối đa là 99 ký tự.

## 2. Những thông tin được quy định riêng với QR Code áp dụng trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

### a) Thông tin định danh đơn vị chấp nhận thanh toán (ID 26):

Theo mục 4.2.3.2 Quyết định số 1928/QĐ-NHNN, với QR Code trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo sẽ được quy định như sau:

- Định dạng: Chuỗi ký tự.
- Độ dài: Tối đa 99 ký tự.
- Ý nghĩa: Cung cấp các thông tin định danh tổ chức cung ứng dịch vụ và thông tin định danh của ĐVCNTT.

- Yêu cầu hiển thị: Bắt buộc phải có và chứa các thông tin như sau:

Ý nghĩa	ID	Định dạng	Độ dài	Hiển thị	Mô tả
Định danh duy nhất toàn cầu - GUID	“00”	ANS	Tối đa 32 ký tự	Bắt buộc	Định danh TCCUDV.
Định danh ĐVCNTT	“01”	S	Tối đa 25 ký tự	Bắt buộc	Mã định danh của CSGD, lấy theo mã định danh được cơ quan có thẩm quyền cấp (thực hiện theo Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ).

### b) Mã danh mục ngành (ID 52):

Theo mục 4.2.4 Quyết định số 1928/QĐ-NHNN, với QR Code trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo sẽ được quy định như sau:

- Định dạng: Ký tự số.
- Độ dài: 4 ký tự.
- Ý nghĩa: Tuân theo tiêu chuẩn ISO 18245 và được ấn định bởi tổ chức cung ứng dịch vụ.

- Yêu cầu hiển thị: Bắt buộc phải có.

- Giá trị:

- + Đối với CSGD bậc mầm non đến trung học phổ thông: 8211;
- + Đối với trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp: 8220;
- + Đối với CSGD thuộc loại hình Trung tâm giáo dục thường xuyên hoặc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên: 8241;
- + Đối với các trường học và đơn vị cung cấp dịch vụ giáo dục khác: 8299.

**c) Thông tin bổ sung (ID 62):**

Theo mục 4.2.14 Quyết định số 1928/QĐ-NHNN, với QR Code trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo sẽ được quy định như sau:

- Định dạng: Chuỗi ký tự.
- Độ dài: Tối đa 99 ký tự.
- Ý nghĩa: Cung cấp các dữ liệu bổ sung hỗ trợ trong các trường hợp khác nhau và bao gồm ít nhất một đối tượng dữ liệu.
- Yêu cầu hiển thị: Bắt buộc phải có và chứa các thông tin như sau:

Ý nghĩa	ID	Định dạng	Độ dài	Hiển thị	Mô tả
Số hóa đơn/biên lai	“01”	S	Tối đa 25 ký tự	Tùy biến	- Có bắt buộc: Nếu CSGD có kết nối, tích hợp HTTT quản lý và số hóa đơn/biên lai được cung cấp bởi CSGD (ví dụ để gạch nợ/ghi nhận giao dịch tự động). - Không bắt buộc: Nếu CSGD không có kết nối, tích hợp HTTT quản lý.
Mã tham chiếu	“05”	ANS	Tối đa 25 ký tự	Không bắt buộc	Giá trị theo quy định của CSGD/TCCUDV để xác định giao dịch.
Mã khách hàng	“06”	ANS	Tối đa 25 ký tự	Không bắt buộc	Có thể là số hiệu người học (nếu có) hoặc số ĐDCN/CMND/CCCD của người học.
Mục đích giao dịch	“08”	ANS	Tối đa 50 ký tự	Bắt buộc	Xác định lý do/nội dung thanh toán, ví dụ: Nộp học phí.
Yêu cầu dữ liệu KH bổ sung	“09”	ANS	Tối đa 03 ký tự	Không bắt buộc	Một hoặc nhiều ký tự sau đây có thể xuất hiện, cho biết dữ liệu tương ứng cần được cung cấp trong quá trình khởi tạo giao dịch: <ul style="list-style-type: none"> <li>• “A” = Địa chỉ khách hàng.</li> <li>• “M” = Số điện thoại</li> </ul>



Ý nghĩa	ID	Định dạng	Độ dài	Hiển thị	Mô tả
					khách hàng. • “E” = Địa chỉ email của khách hàng.

### 3. Mô tả thông tin QR Code áp dụng trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo căn cứ theo TCCS TCVN 03:2018

STT	Tên trường	ID	Mô tả	Định dạng	Độ dài	Hiển thị	Ghi chú	
1	Phiên bản đặc tả QR Code	“00”		N	02 ký tự	Bắt buộc		
2	Phương thức khởi tạo	“01”		N	02 ký tự	Không bắt buộc	- Giá trị “11” = QR tĩnh (áp dụng khi mã QR cho phép thực hiện nhiều lần giao dịch). - Giá trị “12” = QR động (áp dụng khi mã QR chỉ cho phép thực hiện một lần giao dịch).	
3	Thông tin định danh ĐVCNTT	“26”	Tên trường (sub)	ID (sub)	S	Tối đa 99 ký tự	Bắt buộc	
			Định danh TCCUĐV	“00”	ANS	Tối đa 32 ký tự	Bắt buộc	
			Định danh ĐVCNTT	“01”	S		Bắt buộc	
4	Mã danh mục ngành	“52”		N	04 ký tự	Bắt buộc		
5	Mã tiền tệ	“53”		N	03 ký tự	Bắt buộc	VND được thể hiện bằng giá trị “704”.	
6	Số tiền giao dịch	“54”		S	Tối đa 13 ký tự	Tùy biến	- Bắt buộc: Nếu là mã QR động.	

STT	Tên trường	ID	Mô tả		Định dạng	Độ dài	Hiển thị	Ghi chú
								- Không bắt buộc: Nếu là mã QR tĩnh.
7	Mã quốc gia	“58”			S	02 ký tự	Bắt buộc	Mã quốc gia được quy định theo [ISO 3166-1 alpha 2]. Mã quốc gia của Việt Nam là “VN”.
8	Tên ĐVCNTT	“59”			ANS	Tối đa 25 ký tự	Bắt buộc	Tên CSGD. Có thể dùng tên viết tắt hay tên thương hiệu của CSGD để khách hàng nhận diện được.
9	Thành phố	“60”			ANS	Tối đa 15 ký tự	Bắt buộc	Tên thành phố nơi CSGD hoạt động.
10	Mã bưu điện	“61”			ANS	Tối đa 10 ký tự	Không bắt buộc	Mã số bưu điện nơi CSGD hoạt động.
11	Thông tin bổ sung	“62”	Tên trường (sub)	ID (sub)	ANS	Tối đa 99 ký tự		
			Số hóa đơn/biên lai	“01”	ANS	Tối đa 25 ký tự	Tùy biến	
			Mã tham chiếu	“05”	ANS	Tối đa 25 ký tự	Không bắt buộc	
			Mã khách hàng	“06”	ANS	Tối đa 25 ký tự	Không bắt buộc	
			Mục đích giao dịch	“08”	ANS	Tối đa 50 ký tự	Bắt buộc	Lý do/nội dung thanh toán.
			Yêu cầu dữ liệu KH bổ sung	“09”	ANS	Tối đa 3 ký tự	Không bắt buộc	

STT	Tên trường	ID	Mô tả	Định dạng	Độ dài	Hiển thị	Ghi chú
12	Mã kiểm chứng dữ liệu CRC (Checksum)	“63”		ANS	Tối đa 4 ký tự	Bắt buộc	
13	Ngôn ngữ thay thế	“64”	Tên trường (sub)	ID (sub)	ANS	Tối đa 99 ký tự	Không bắt buộc
			Ngôn ngữ thay thế	“00”	ANS	02 ký tự	Bắt buộc
			Tên cơ sở giáo dục dưới dạng ngôn ngữ thay thế	“01”	S	Tối đa 25 ký tự	Bắt buộc
			Thành phố dưới dạng ngôn ngữ thay thế	“02”	S	Tối đa 15 ký tự	Không bắt buộc

#### IV. YÊU CẦU VỀ KẾT NỐI GIỮA HỆ THỐNG THANH TOÁN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC VỚI NGÂN HÀNG, CÁC TỔ CHỨC TRUNG GIAN THANH TOÁN

- Khi triển khai dịch vụ thanh toán giao dịch bằng phương tiện điện tử với các đối tác là ngân hàng, tổ chức trung gian thanh toán, CSGD và đối tác cần tuân thủ các quy định tại Điều 5 và các quy định liên quan khác tại Thông tư số 46/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về dịch vụ TTKDTM, đồng thời đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Hệ thống thanh toán của CSGD thực hiện kết nối với các hệ thống thanh toán được cấp phép theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Việc kết nối giữa hệ thống thanh toán của CSGD với các đơn vị cung cấp dịch vụ thanh toán/trung gian thanh toán cần phải hướng đến mục tiêu tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người thực hiện thanh toán, theo hướng có quyền được lựa chọn nhiều đơn vị cung cấp dịch vụ thanh toán, được lựa chọn phương thức thanh toán (như: thanh toán trên thiết bị di động/máy tính, chuyển khoản từ Internet Banking, chuyển khoản qua QR Code, thanh toán từ ví điện tử...).

+ CSGD chọn các đối tác triển khai hệ thống thanh toán đáp ứng điều kiện về kỹ thuật được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 15 Nghị định số 80/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định

số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt.

+ CSGD chọn các đối tác triển khai hệ thống thanh toán bảo đảm chấp nhận các thẻ nội địa, thẻ quốc tế (VISA, MasterCard, JCB...) và ví điện tử; đáp ứng được yêu cầu bảo mật và được Ngân hàng Nhà nước chứng nhận, đạt chứng chỉ quốc tế PCI DSS (Payment Card Industry Data Security Standard).

- Đối với các đối tác là doanh nghiệp tham gia thí điểm cung ứng dịch vụ Mobile Money cần đáp ứng các yêu cầu được quy định tại Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 09/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt triển khai thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ (Mobile Money).

- Hệ thống thanh toán của CSGD phải tuân thủ các chuẩn kết nối và yêu cầu kỹ thuật cụ thể của các TCCUDV (khuyến nghị sử dụng giao thức RESTful và cấu trúc gói tin dưới định dạng JSON). Đồng thời, bảo đảm tuân thủ các quy định, hướng dẫn hiện hành của Nhà nước về trao đổi dữ liệu, về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước. Đặc biệt là các yêu cầu về bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

---